

# **Thực trạng hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU tại Việt Nam**

**Nguyễn Như Đén**

*Viện Nghiên cứu Châu Âu*

Liên minh Châu Âu là một trong những trung tâm kinh tế lớn nhất của thế giới, có vị trí cực kỳ quan trọng đối với nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Từ sau khi thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng đồng kinh tế Châu Âu (*sau này là Liên minh Châu Âu*) vào cuối năm 1990 đến nay, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và EU không ngừng được mở rộng trên mọi lĩnh vực. Hiện nay, EU là một trong những thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với EU hiện chiếm xấp xỉ 24% xuất khẩu và 11,2% nhập khẩu. Kim ngạch buôn bán hai chiều năm 1990 đạt chưa đến 300 triệu USD thì đến năm 2002 xấp xỉ 5 tỷ USD, năm 2003 đạt hơn 6,8 tỷ USD và đến năm 2004 con số này là xấp xỉ 11 tỷ USD, tăng gấp khoảng 36 lần so với năm 1990. Cho đến nay, Việt Nam đã có quan hệ buôn bán với hầu hết các nước thành viên của EU với kim ngạch khá cao, đặc biệt là các nước Pháp, Đức, Anh, Hà Lan. Trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp, EU cũng là nhà đầu tư có mặt tại Việt Nam từ

khá sớm sau khi Việt Nam ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987. Việc một số tập đoàn lớn như Total hay Siemens có mặt tại Việt Nam ngay từ năm 1989 đã phần nào cho thấy điều đó.

Trong bối cảnh hợp tác Á - Âu ngày càng được tăng cường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, quan hệ kinh tế Việt Nam - EU đang có nhiều cơ hội để tăng cường hơn nữa. Tuy vậy đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU vào Việt Nam là chưa lớn, chưa tương xứng với tiềm năng của hai bên mà đặc biệt lại có xu hướng giảm mạnh trong một vài năm gần đây. Đây là một vấn đề cần quan tâm trong điều kiện Việt Nam đang nỗ lực thu hút và tận dụng mọi nguồn lực để thực hiện công nghiệp hoá- hiện đại hoá đất nước.

## **1. Hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU tại Việt Nam**

Từ khi Việt Nam tiến hành cải cách mở cửa nền kinh tế, EU luôn được xem là một trong những đối tác chiến lược của Việt Nam. Tuy nhiên trong lĩnh vực đầu tư trực

tiếp, nếu xét tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng như lượng vốn trên một dự án của EU vào Việt Nam so với Singapore, Hồng Kông, Nhật Bản, hay Hàn Quốc thì không cao. Điều này khác hẳn trong quan hệ của EU với các nước ASEAN khác. Thí dụ, EU là một trong những đối tác đầu tư lớn nhất vào Indônêxia, Thái Lan, Malaysia, Singapore,... Tính từ ngày 01 tháng 01 năm 1988 đến hết tháng 08 năm 2005, EU đã có tổng số 467 dự án với hơn 6,8 tỷ USD vốn đăng ký, chiếm khoảng 8% về số dự án và hơn 13% về số vốn FDI đăng ký (nếu không kể dầu khí thì tỷ trọng này còn thấp hơn) số vốn bình quân là 14,58 triệu USD/ dự án với tỷ lệ vốn thực hiện là 58%.

#### *Về cơ cấu vốn FDI tại Việt Nam phân theo các ngành kinh tế*

Vốn FDI của EU vào Việt Nam tập trung chủ yếu vào các ngành công nghiệp với tổng số 260 dự án, chiếm tới hơn 55% tổng số dự án còn hiệu lực, trong đó riêng công nghiệp nặng đã chiếm tới 23%. Tỷ lệ vốn thực hiện là 71%. Tiếp đó là ngành dịch vụ chiếm 34% tổng vốn với tỷ lệ vốn thực hiện là 31%, còn ngành nông, lâm nghiệp chỉ có 11% vốn vào lĩnh vực này, nhưng tỷ lệ vốn thực hiện lại cao nhất là 77%.

#### *Về hình thức đầu tư*

Hình thức FDI của EU tại Việt Nam chủ yếu là hình thức 100% vốn nước ngoài và liên doanh. Riêng hai hình thức này đã chiếm tới 94,6% tổng số dự án và hơn 45% số vốn

đăng ký. Ngoài ra các hình thức khác như : công ty quản lý vốn, BOT, hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ chiếm 5,4% số vốn. Điều đáng chú ý là hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh chỉ có 21 dự án trên tổng số 467 dự án nhưng đã chiếm tới 38,6% số vốn. Nó cho thấy quy mô vốn trên một dự án của hình thức này là khá lớn.

#### *Về địa điểm đầu tư*

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU tập trung chủ yếu tại các địa phương như Tp.Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Đồng Nai, Hải Dương. Số dự án tập trung ở các địa phương kể trên chiếm tới hơn 76% tổng số dự án FDI của EU vào Việt Nam. Đồng thời các địa phương trên cũng chiếm tới 58% lượng vốn FDI của EU trong cả nước. Điều này cho thấy các dự án đầu tư trực tiếp của EU vào Việt Nam tập trung vào những nơi có cơ sở hạ tầng thuận lợi, gần thị trường. Ngoài ra FDI của EU còn có mặt ở 40 tỉnh thành trong cả nước. Tính đến hết tháng 8 năm 2005 đã có 16 nước thành viên của EU có dự án đầu tư tại Việt Nam. Các nước có số vốn đầu tư tương đối đáng kể vào Việt Nam là Pháp, Hà Lan, Vương quốc Anh, Luxembourg, Cộng hoà Liên bang Đức. Chỉ riêng các nước kể trên đã chiếm tới 94,3% tổng lượng vốn FDI của EU vào Việt Nam. Nhìn chung, các dự án FDI của EU vào Việt Nam có quy mô vừa và nhỏ, tập trung chủ yếu tại các địa phương có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, gần thị trường tiêu thụ.

Để xác định hiệu quả thực của FDI trong cung cấp vốn, Ngân hàng Thế giới nêu ra một số tiêu chí để đánh giá hiệu quả đầu tư của các doanh nghiệp nước ngoài, đó là *tỷ lệ đòn bẩy*, là tỷ số giữa vốn vay và vốn thực hiện; *Tỷ lệ vốn thực hiện*, tức là tỷ số giữa vốn thực tế được giải ngân bởi ngân hàng và vốn cấp phép hàng năm. Theo kinh nghiệm, *tỷ lệ vốn thực hiện* thấp và *tỷ lệ đòn bẩy* cao thì không chỉ hiệu quả của FDI kém mà có thể dẫn tới nguy cơ mắc nợ trong FDI và tỷ lệ vốn xấu. Trong trường hợp *tỷ lệ vốn thực hiện* cao và *tỷ lệ đòn bẩy* thấp thì hiệu quả của FDI cao hơn. Trong số các nước và vùng lãnh thổ có đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam thì FDI của EU là rất hiệu quả nếu dựa theo tiêu chí trên. Bởi lẽ dựa vào tiêu chí quy mô số vốn/ dự án thì phần lớn các dự án FDI của EU tại Việt Nam là các dự án vừa và nhỏ, có xu hướng thu hồi vốn nhanh và tập trung chủ yếu vào ngành công nghiệp và dịch vụ nên tỷ lệ vốn thực hiện cao hơn và tỷ lệ đòn bẩy thấp. Điều này không chỉ thuần túy về mặt lý thuyết, mà thực tế đã cho thấy có rất nhiều các dự án đầu tư của EU tại Việt Nam đã và đang hoạt động có hiệu quả như dự án của tập đoàn Siemens (Đức) cung cấp thiết bị cho nhà máy nhiệt điện Phú Mỹ II trị giá 80 triệu USD và Siemens cũng là nhà cung cấp trang thiết bị cho ngành Bưu chính Viễn thông và tham gia sản xuất cáp quang trị giá gần 24,83 triệu USD.

Tháng 5- 2001, hợp đồng theo hình thức BOT được thiết lập để xây dựng Nhà máy

Phú Mỹ III với công suất 700 MW trị giá 350 triệu USD. Tháng 3- 2004, Siemens được đề nghị cung cấp thiết bị cho 2 trạm Di Linh và Phan Rí thuộc dự án thủy điện Đại Ninh với trị giá 25 triệu USD. Công ty Krupp - Plyius (Đức) đầu tư 89 triệu USD xây dựng nhà máy xi măng Sông Gianh (Quảng Bình). Tập đoàn Daimler Benz cũng đầu tư liên doanh xưởng lắp ráp ô tô Mercedes trị giá 70 triệu USD. Công ty sữa Nestle của Bỉ cũng đầu tư hàng triệu USD để xây dựng nhà máy sản xuất thực phẩm như sữa, trà,...Sau bốn năm hoạt động tại Việt Nam, Metro Cash & Carry, nhà phân phối hàng đầu châu Âu, cho rằng thị trường Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều tiềm năng và tăng trưởng cao thông qua việc tập đoàn này tiếp tục đầu tư thêm một siêu thị thứ hai tại Hà Nội nâng tổng số siêu thị của Metro tại Việt Nam lên con số sáu. Bên cạnh đó, vào đầu năm 2005, Espace Bourbon, một đối thủ của Metro cũng kịp khai trương siêu thị Bourbon Thăng Long sau khi hệ thống các siêu thị ở Tp. Hồ Chí Minh và Đồng Nai đều hoạt động hiệu quả. Một ví dụ khác nữa đó là các dự án đầu tư của tập đoàn Total. Total liên tục mở rộng phạm vi cũng như lĩnh vực kinh doanh kể từ khi có mặt tại Việt Nam từ năm 1989. Cho đến nay tập đoàn này đã có 4 công ty liên doanh khí hoá lỏng ( LPG ) tại Đà Nẵng, Hải Phòng, Cần Thơ và Tp. Hồ Chí Minh. Đồng thời Công ty dầu nhờn Total Việt Nam đã được thành lập từ năm 1998 với 100% vốn nước ngoài đặt tại Hải Phòng và 5 văn phòng giao dịch ở một số địa phương. Ngoài ra Total còn đầu tư xây

dựng nhà máy hoá chất Arkema Ltd, 100% vốn nước ngoài và một hệ thống dịch vụ xăng dầu tại Đà Nẵng vào năm 1997 để cải thiện các sản phẩm dầu khí ở khu vực. Trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng gia đình, chúng ta cũng không thể không nhắc tới tập đoàn Unilever, một công ty đa quốc gia có trụ sở chính tại Anh và Hà Lan. Trong giai đoạn 1995-2004, Unilever Việt Nam với một hệ thống phân phối rộng khắp cả nước bao gồm 350 nhà phân phối và hơn 150.000 đại lý bán lẻ, đạt doanh thu hơn 22.000 tỷ đồng, đóng góp hơn 2.000 tỷ đồng cho ngân sách Nhà nước.

Trong lĩnh vực dịch vụ, mà cụ thể là ngành bảo hiểm thì công ty Prudential là một trong những điển hình cần nhắc tới. Sau 5 năm hoạt động, thị phần của Prudential không ngừng gia tăng và hiện nay đã đạt trên 41%. Tính cho đến nay Công ty đã thiết lập gần 70 trung tâm và điểm phục vụ cho hơn 2 triệu khách hàng tại 50 tỉnh, thành phố trong cả nước. Năm 2004 Prudential đạt doanh thu phí 3.102 tỷ đồng, đưa doanh thu từ trước cho đến nay lên đến trên 8.400 tỷ đồng. Công ty đã tạo việc làm cho gần 47.000 người và đóng góp một phần không nhỏ vào ngân sách Nhà nước (riêng năm 2004 công ty lãi 61 tỷ đồng). Đến nay, tổng vốn đầu tư của Prudential đã đạt 75 triệu USD và trở thành nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất trong lĩnh vực bảo hiểm tài chính và ngân hàng tại Việt Nam. Một thực tế không thể phủ nhận rằng, sự có mặt của một loạt các tập đoàn kinh tế

kể trên và một số tập đoàn khác như Alcatel (Pháp), BP (Anh), Electrolux (Thụy Điển), Phillip (Hà Lan),... đã góp phần không nhỏ làm thay đổi diện mạo thị trường Việt Nam trong những năm gần đây.

Tuy nhiên, nhìn chung các nhà đầu tư EU vẫn chưa coi Việt Nam là một địa điểm đầu tư trọng điểm, nhất là khi so sánh với Trung Quốc và một số nước lân cận. Có nhận xét rằng: Đầu tư của EU tại Việt Nam mang tính chất thăm dò và giữ chỗ, các nhà đầu tư châu Âu chưa thực sự có kế hoạch dài hạn tại Việt Nam. Nhận xét này dường như có cơ sở khi thực tế cho thấy một đặc điểm nổi bật của các nhà đầu tư Châu Âu là rất quan tâm khai thác thị trường nội địa của Việt Nam. Đại đa số các dự án thành công của EU tại Việt Nam như vừa kể trên phần nào đã nói lên điều đó. Cũng vì lẽ đó mà các nhà đầu tư EU tại Việt Nam cũng chưa quan tâm đến việc xây dựng các ngành công nghiệp phụ trợ phục vụ cho việc sản xuất hàng hoá lâu dài tại Việt Nam, đặc biệt là hàng hoá xuất khẩu. Rõ ràng khi yếu tố thị trường nội địa vẫn có tính quyết định trong phân bổ đầu tư thì Việt Nam sẽ bị yếu thế hơn rất nhiều so với Trung Quốc và một số nước lân cận như Thái Lan, Singapore, Malaysia,... bởi vì sức mua ngang giá của Việt Nam là chưa cao và vì thế làm mất đi tính hấp dẫn so với các điểm đầu tư khác. Do vậy trong giai đoạn 2001-2004, luồng FDI vào Việt Nam của EU lại có xu hướng giảm mạnh.

**Vốn FDI của một số nước và khu vực tại Việt Nam giai đoạn 2001 - 2004**

(Đv tính: triệu USD)

Năm	2001	2002	2003	2004	2005
EU	1015	49,4	64	94,2	800,3
ASEAN	345,1	192,7	102,7	230,5	
Mỹ	113,2	142,7	65	74,9	
Đài Loan	46,3	312,3	388	460,7	
Nhật Bản	163	102	100	254,4	
Hàn Quốc	114,4	267,3	344	365,1	
Tổng số vốn đăng ký	2600	1620	1900	4100	5800

Nguồn: [www.delvn.cec.eu.int](http://www.delvn.cec.eu.int) và [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn) (số liệu của năm 2005 tính đến tháng 11/2005)

Theo số liệu ở bảng trên, nếu FDI của EU vào Việt Nam năm 2001 chiếm 39% tổng số vốn đầu tư vào Việt Nam thì tỷ trọng này sụt giảm nghiêm trọng vào các năm tiếp theo: năm 2002 tỷ trọng này là 3%, năm 2003 là 3,37%, năm 2004 là 2,23% và chỉ tăng lên 13,8% vào năm 2005. Vậy vấn đề đặt ra ở đây là: Tiềm năng đầu tư của EU vào Việt Nam là rất lớn nhưng thực tế tỷ trọng đầu tư của EU vào Việt Nam trong giai đoạn vừa qua lại rất thấp (thua xa mức đầu tư trực tiếp của Đài Loan, Singapore, Nhật Bản hay Hàn Quốc). Thậm chí năm 2002, 2003, 2004 EU còn chưa lọt vào top 10 nhà đầu tư lớn nhất vào Việt Nam. Điều này có thể giải thích thông qua một số nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ trong nội khối EU đó là:

+ *Thứ nhất*, đó là do nền kinh tế của các nước EU trong ba năm 2001-2003 có xu hướng giảm sút và chỉ duy trì tăng trưởng ở mức rất thấp. Trong 2 năm 2004 và 2005, mức tăng trưởng mặc dù đã cao hơn trước nhưng chưa thực sự cho thấy dấu hiệu phục

hồi mạnh mẽ. Theo các chuyên gia, nền kinh tế các nước EU thời gian qua phải đối mặt với nhiều khó khăn, trong đó một số khó khăn chủ yếu: là thị trường chứng khoán châu Âu vỡ bong bóng, giảm giá khoảng 50%; các khoản phúc lợi xã hội cao; Đồng Euro tăng giá mạnh so với các ngoại tệ khác đã làm hạn chế khả năng kinh doanh và góp phần làm cho tình trạng thất nghiệp ở các nước EU rất khó giải quyết. Mặc dù các nước EU đã thực hiện nhiều biện pháp cải cách, nhưng những kết quả thu được mới chỉ là bước đầu. Bên cạnh, đó kế hoạch mở rộng EU đòi hỏi các khoản chi rất lớn để giúp các nước thành viên mới đạt mức phát triển phù hợp với các yêu cầu của EU. Điều này có tác động mạnh tới hoạt động FDI của các nước EU, khiến lượng vốn FDI ra nước ngoài của EU trong thời kỳ nhìn chung bị giảm sút mạnh.

+ *Thứ hai*, đó là chính sách mở rộng của Liên minh Châu Âu. Trong giai đoạn từ 2002 - 2006, EU sẽ chi khoảng 70 tỷ Euro, trong

đó có 29 tỷ Euro hỗ trợ cho các chương trình trước hội nhập và 41 tỷ Euro cho các chương trình sau hội nhập (bao gồm cả các chương trình hỗ trợ kinh tế trong đó có đầu tư). Trong những năm 1995-1999, và nhất là sau năm 2000, các nước Trung và Đông Âu đã trở thành những nước có tỷ lệ FDI trên GDP cao nhất trong số các nước đang phát triển và các nền kinh tế chuyển đổi, bằng khoảng 4 - 6% GDP, trung bình là 5,5% GDP. Trong số các nước đầu tư chính vào CEEC - 10, thì EU-15 chiếm tới 50% vốn FDI.

Bên cạnh đó có rất nhiều ý kiến cho rằng, các nhà đầu tư EU trong những năm vừa qua đang theo dõi tiến trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam, cũng như nghe ngóng về lộ trình xây dựng Luật Đầu tư chung dự kiến thông qua vào năm 2005 nên tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU tại Việt Nam trong thời gian qua có phần chững lại. Mặt khác, theo đánh giá của các chuyên gia EU, mặc dù Việt Nam đã có chính sách hội nhập kinh tế quốc tế tầm chiến lược, song một số chính sách ngắn hạn thường xuyên thay đổi, nhiều khi không nhất quán, thiếu ổn định, ảnh hưởng đến sự hấp dẫn của môi trường đầu tư, cho nên chưa tạo cho các nhà đầu tư EU sự yên tâm làm ăn lâu dài với Việt Nam.

Ngoài ra chúng ta cũng phải đề cập tới những hạn chế còn tồn tại trong môi trường đầu tư của Việt Nam như: môi trường đầu tư còn chưa thông thoáng, hệ thống văn bản pháp quy về đầu tư đang trong quá trình hoàn thiện, thủ tục hành chính còn rườm rà, cơ sở hạ tầng còn yếu kém. Các doanh nghiệp Việt Nam còn thiếu hiểu biết về luật lệ, văn hoá

kinh doanh của các nhà đầu tư EU. Kiểu làm ăn manh mún nhỏ lẻ của các doanh nghiệp Việt Nam chưa phù hợp với truyền thống và tập quán kinh doanh châu Âu. Chúng ta cũng chưa có hoạt động xúc tiến đầu tư mang tầm cỡ quốc gia với EU giống như Hội nghị xúc tiến đầu tư Việt Nam - Singapore, hay Việt Nam - Nhật Bản trong năm 2004. Đây cũng là những cản trở không nhỏ không chỉ với FDI của EU mà nó còn ảnh hưởng cả tới luồng FDI nói chung vào Việt Nam.

## 2. Triển vọng đầu tư trực tiếp nước ngoài của EU tại Việt Nam trong thời gian tới

Đến giữa năm 2004, Liên minh Châu Âu mở rộng sang phía Đông với việc kết nạp thêm 10 thành viên mới, dân số tăng thêm 75 triệu người, bằng 20% dân số hiện có, diện tích lãnh thổ tăng thêm 34% so với hiện nay, GDP gần 9.000 tỷ Euro (tương đương khoảng 11.000 tỷ USD) chiếm 27,8% GDP thế giới, 30% thương mại toàn cầu<sup>1</sup>. Việc EU mở rộng sang phía Đông vào năm 2004 không chỉ tạo ra một vị thế rất mới trong tương quan lực lượng trên toàn thế giới mà còn tác động rất lớn đến Việt Nam. Tiềm năng hợp tác phát triển kinh tế đã lớn nay còn được tăng cường thêm sau khi EU mở rộng, bởi lẽ trong số các nước gia nhập EU vào tháng 5 năm 2004 hầu hết là các nước có quan hệ lâu đời với Việt Nam, đó là những nước Đông Âu thành viên của Hội đồng Tương trợ kinh tế trước đây. Hàng hoá của Việt Nam khi xuất khẩu sang một nước EU thì có thể xuất sang 24 nước thành viên còn lại. Do vậy các nước thành viên mới của EU sẽ là “cửa ngõ” quan trọng

<sup>1</sup> <http://www.europa.eu.int>.

để Việt Nam có thể tiếp cận thuận lợi hơn nữa các nguồn vốn, đặc biệt là vốn FDI, xúc tiến đầu tư có hiệu quả hơn đối với các nước thành viên khác của EU.

Ngoài ra, làn sóng sáp nhập và mua bán các công ty (M&A) có xu hướng tăng lên mạnh mẽ kể từ cuối năm 2004. Có thể nói rằng có đến 80% FDI toàn cầu xuất phát từ các công ty xuyên quốc gia (TNCs). Theo nhà nghiên cứu Thomson Financial, trong năm 2005, hoạt động M&A đã lần đầu tiên kể từ năm 2000 vượt ngưỡng 1.000 tỷ USD, đạt 1.210 tỷ USD, tăng 46% so với mức 824 tỷ USD trong năm 2004<sup>2</sup>. Báo cáo mới nhất của Ngân hàng Thế giới (WB) cho thấy, nếu tính riêng tổng số vụ M&A thì năng lượng là lĩnh vực có số vụ M&A cao nhất trong năm 2005, với tổng giá trị 400 tỷ USD, tăng 35% so với năm 2004, thứ hai là tài chính và tiếp là lĩnh vực viễn thông. Năm 2005, tổng giá trị số vụ M&A ở châu Âu đạt trên 940 tỷ USD, tăng hơn 56% so với năm 2004<sup>3</sup>. Hoạt động này sẽ góp phần phục hồi luồng FDI toàn cầu nói chung và luồng FDI của EU vào Việt Nam nói riêng trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, quá trình đàm phán gia nhập WTO của Việt Nam đã có những bước tiến rõ rệt như việc đẩy nhanh được quá trình đàm phán với đối tác quan trọng nhất đó là Hoa Kỳ. Dự kiến đến cuối năm 2006 Việt Nam có thể trở thành thành viên chính thức của WTO. Sự kiện Việt Nam tổ chức thành công Hội nghị ASEM- 5 và đăng cai tổ chức Diễn đàn hợp tác Châu Á- Thái Bình Dương (APEC) sắp tới tại Hà Nội vào cuối tháng

12/2006 sẽ góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam, làm cho các nhà đầu tư biết đến nhiều hơn, góp phần không nhỏ thúc đẩy luồng FDI vào Việt Nam trong thời gian tới.

Đến cuối năm 2004, khi Luật Đất đai và Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp sửa đổi bắt đầu có hiệu lực, cộng thêm với Luật Đầu tư nước ngoài đang được Quốc hội xem xét và thông qua vào năm 2005 với nhiều ưu đãi và thông thoáng hơn, chúng ta hy vọng rằng môi trường đầu tư ở Việt Nam trong thời gian tới sẽ được cải thiện và hấp dẫn các nhà đầu tư hơn. Thực tế đã phần nào cho thấy điều đó khi dòng vốn FDI của EU vào Việt Nam trong năm 2005 đã dần tăng trở lại. Chỉ tính đến tháng 11 năm 2005 vốn FDI của EU vào Việt Nam đã tăng gần 10 lần so với năm 2004. Dự đoán hoạt động M&A năm 2006 sẽ diễn ra sôi nổi hơn năm 2005 và môi trường đầu tư thông thoáng hơn sẽ góp phần đẩy mạnh luồng FDI của thế giới và của EU nói riêng vào Việt Nam trong thời gian tới.

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Báo cáo kinh tế của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương các năm 2002, 2003, 2004.
2. Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu số 1, 2 năm 2005.
3. Đặc san Thời báo Kinh tế Sài Gòn ra ngày 5/5/2005.
4. TS. Nguyễn Anh Tuấn: *Tác động của FDI tới quan hệ kinh tế quốc tế: Thực tiễn ở một số nước đang phát triển và Việt Nam*. Bộ Ngoại giao, Hà nội tháng 12/2005.
5. [www.Vnexpress.net](http://www.Vnexpress.net) ngày 23/4/2005.
6. [www.delvn.cec.eu.int](http://www.delvn.cec.eu.int) và [www.mpi.gov.vn](http://www.mpi.gov.vn).

2. Báo Đầu tư số 4 số ra ngày 9/1/2006.

3. Báo Đầu tư số 11 ra ngày 25/1/2006.